

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Duy Báu	Chủ tịch
Ông Ngô Hải An	Ủy viên
Ông Mai Văn Dinh	Ủy viên
Ông Đỗ Công Hiến	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Duy Báu	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2011)
Ông Ngô Hải An	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2011)
Ông Mai Văn Dinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Cung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tống Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2011

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 4 đến trang 20. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán phát hành ngày 28 tháng 01 năm 2011 với ý kiến chấp nhận toàn phần. Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Công ty được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính phát hành ngày 28 tháng 7 năm 2010 với ý kiến không có vấn đề gì trọng yếu cần lưu ý trong báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 8 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lã Toàn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0771/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		630.806.411.682	562.295.935.645
(100=110+130+140+150)				
I. Tiền	110	5	22.653.583.732	24.676.167.552
1. Tiền	111		22.653.583.732	24.676.167.552
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		246.269.196.673	215.866.529.107
1. Phải thu khách hàng	131		195.052.715.497	177.147.720.858
2. Trả trước cho người bán	132		53.303.980.775	39.198.164.778
3. Các khoản phải thu khác	135		33.206.000	40.723.479
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.120.705.599)	(520.080.008)
III. Hàng tồn kho	140	6	356.785.588.114	319.762.567.340
1. Hàng tồn kho	141		356.785.588.114	319.762.567.340
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.098.043.163	1.990.671.646
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.441.104.774	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.656.938.389	1.990.671.646
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		52.700.719.308	37.623.411.925
(200=220+250+260)				
I. Tài sản cố định	220		46.299.174.020	30.572.092.284
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	45.065.339.119	29.332.017.383
- Nguyên giá	222		93.349.732.010	74.771.717.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.284.392.891)	(45.439.700.256)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	1.233.834.901	1.240.074.901
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.591.340.115	3.591.340.115
1. Đầu tư vào công ty con	251	9	3.591.340.115	3.591.340.115
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.810.205.173	3.459.979.526
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.810.205.173	3.459.979.526
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		683.507.130.990	599.919.347.570

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		593.251.093.142	507.414.906.435
I. Nợ ngắn hạn	310		573.493.330.885	491.370.874.596
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	205.490.016.702	165.378.064.161
2. Phải trả người bán	312		153.130.105.333	134.127.255.317
3. Người mua trả tiền trước	313		161.731.510.090	165.134.206.881
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	1.153.309.932	2.935.861.009
5. Phải trả người lao động	315		4.209.308.000	5.210.457.000
6. Chi phí phải trả	316	12	42.380.149.838	12.281.410.381
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		889.508.063	789.660.813
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.509.422.927	5.513.959.034
II. Nợ dài hạn	330		19.757.762.257	16.044.031.839
1. Vay và nợ dài hạn	334	13	17.047.137.700	7.306.280.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.801.533.648	1.828.362.498
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		909.090.909	6.909.389.341
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		90.256.037.848	92.504.441.135
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	90.256.037.848	92.504.441.135
1. Vốn điều lệ	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.828.000.000	9.828.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.397.093.115	1.225.495.749
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	117.425
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		16.195.931.993	17.318.144.907
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.804.781.886	2.330.515.886
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.030.230.854	11.802.167.168
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		683.507.130.990	599.919.347.570

Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2011

Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		390.113.113.066	226.829.045.507
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	390.113.113.066	226.829.045.507
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	366.632.082.713	211.710.591.864
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		23.481.030.353	15.118.453.643
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		351.184.037	310.852.228
7. Chi phí tài chính	22	17	10.149.142.079	5.043.026.659
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.149.142.079</i>	<i>5.534.250.420</i>
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.716.063.620	4.904.515.741
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		5.967.008.691	5.481.763.471
10. Thu nhập khác	31		2.090.707.937	1.324.144.908
11. Chi phí khác	32		17.408.822	5.966.665
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.073.299.115	1.318.178.243
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8.040.307.806	6.799.941.714
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	2.010.076.952	1.707.485.428
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		6.030.230.854	5.092.456.286
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	1.206	1.018

Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2011

Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày	Từ ngày
		01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.040.307.806	6.799.941.714
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.684.212.689	3.630.962.086
Các khoản dự phòng	03	1.600.625.591	(491.223.761)
(Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.423.779.442)	744.262.273
Chi phí lãi vay	06	10.149.142.079	5.534.250.420
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	22.050.508.723	16.218.192.732
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(35.110.782.099)	28.269.976.608
(Tăng) hàng tồn kho	10	(37.023.020.774)	(25.295.624.521)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	43.007.424.018	(29.406.616.590)
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	649.774.353	(479.928.048)
Tiền lãi vay đã trả	13	(9.615.606.733)	(5.534.250.420)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.535.996.461)	(565.236.417)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(6.000.298.432)	2.433.517.834
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.309.881.673)	(6.403.962.091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(26.887.879.078)	(20.763.930.913)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(20.428.703.247)	(5.935.867.316)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.090.707.937	1.299.155.908
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	350.480.327	310.852.228
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.987.514.983)	(4.325.859.180)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	256.049.094.740	163.382.254.866
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(206.196.284.499)	(135.574.185.668)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	42.852.810.241	20.808.069.198
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.022.583.820)	(4.281.720.895)
Tiền tồn đầu kỳ	60	24.676.167.552	43.769.759.103
Tiền tồn cuối kỳ	70	22.653.583.732	39.488.038.208

Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng

Ngày 12 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa theo Quyết định số 1552/QĐ-BXD ngày 04 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2603000225 ngày 05 tháng 11 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Công ty đã thực hiện niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 8 tháng 01 năm 2008 theo Quyết định số 07/QĐ-TTGDHN ngày 8 tháng 01 năm 2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu với mã chứng khoán là VC5.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 859 (31 tháng 12 năm 2010: 831).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng các công trình công nghiệp và thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, cảng thủy và cảng hàng không; Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện; Gia công cơ khí xử lý và tráng phủ kim loại; Trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Đầu tư khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Dịch vụ môi giới, cung ứng và quản lý lao động trong nước;
- Bán buôn tổng hợp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa, bảo trì: Thiết bị cơ, điện, nước, và các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Kinh doanh các sản phẩm từ gỗ công nghiệp phục vụ trong xây dựng và gia dụng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty không có hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 5

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, dàn giáo, cốp pha được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai (2) trường hợp sau:

- (a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Không có thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận do Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu trong kỳ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.522.674.214	277.833.201
Tiền gửi ngân hàng	19.130.909.518	24.398.334.351
	<u>22.653.583.732</u>	<u>24.676.167.552</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.570.962.048	3.529.467.114
Công cụ, dụng cụ	385.552.811	173.739.339
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	346.829.073.255	316.059.360.887
	<u>356.785.588.114</u>	<u>319.762.567.340</u>

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	11.426.967.553	40.799.360.262	14.571.581.002	7.973.808.822	74.771.717.639
Mua trong kỳ		3.635.295.455	748.543.183	16.051.104.609	20.434.943.247
Thanh lý, nhượng bán	-	1.055.016.921	801.911.955	-	1.856.928.876
Tại ngày 30/6/2011	<u>11.426.967.553</u>	<u>43.379.638.796</u>	<u>14.518.212.230</u>	<u>24.024.913.431</u>	<u>93.349.732.010</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	4.056.811.625	23.671.387.816	10.087.775.178	7.623.725.637	45.439.700.256
Trích khấu hao trong kỳ	140.168.986	2.787.560.706	780.766.946	975.716.051	4.684.212.689
Thanh lý, nhượng bán	-	1.037.608.099	801.911.955	-	1.839.520.054
Tại ngày 30/6/2011	<u>4.196.980.611</u>	<u>25.421.340.423</u>	<u>10.066.630.169</u>	<u>8.599.441.688</u>	<u>48.284.392.891</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2011	<u>7.229.986.942</u>	<u>17.958.298.373</u>	<u>4.451.582.061</u>	<u>15.425.471.743</u>	<u>45.065.339.119</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>7.370.155.928</u>	<u>17.127.972.446</u>	<u>4.483.805.824</u>	<u>350.083.185</u>	<u>29.332.017.383</u>

Nguyên giá của tài sản cố định tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 24.433.413.368 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 23.796.957.158 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 và 13, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 17.659.711.137 VND để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.240.074.901	1.388.246.556
Phát sinh tăng trong kỳ	15.974.696.428	6.240.000
Chuyển sang tài sản cố định	15.980.936.428	-
Giảm khác	-	154.411.655
Số dư cuối kỳ	<u>1.233.834.901</u>	<u>1.240.074.901</u>

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Trang trí Nội thất Việt Nam, hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, có tổng vốn điều lệ là 10 tỷ đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0101295134 ngày 16 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, số cổ phần mà Công ty nắm giữ tại công ty con này là 510.000 cổ phần, tương đương tỷ lệ sở hữu là 51%. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Công ty đã góp đủ số cổ phần đã cam kết, với tổng số tiền là 3.591.340.115 đồng.

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	197.955.376.702	161.423.424.161
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 13)	7.534.640.000	3.954.640.000
	<u>205.490.016.702</u>	<u>165.378.064.161</u>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay bằng VND từ các ngân hàng thương mại dưới hình thức các hợp đồng vay có thời hạn nhỏ hơn 01 năm. Các khoản vay này được dùng để bổ sung vốn lưu động của Công ty, thực hiện các công trình trong năm và được đảm bảo bằng tài sản cố định, lãi suất được quy định theo từng hợp đồng vay từ 14%/năm đến 20,5%/năm.

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn theo ngân hàng như sau:

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	129.654.673.659	102.197.225.750
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	60.922.790.955	44.166.109.254
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	7.377.912.088	15.060.089.157
	<u>197.955.376.702</u>	<u>161.423.424.161</u>

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.210.734.396
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.133.768.933	1.659.688.442
Thuế thu nhập cá nhân	-	11.984.371
Các loại thuế khác	19.540.999	53.453.800
	<u>1.153.309.932</u>	<u>2.935.861.009</u>

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí kiểm toán	79.784.091	15.909.091
Chi phí trích trước các công trình	37.042.322.658	12.265.501.290
<i>Nhà ở CBCNV thủy điện Cửa Đạt</i>	<i>349.151.966</i>	-
<i>Gói thầu 15/Xi Măng Bim Sơn</i>	<i>248.096.543</i>	-
<i>Chung cư An Khánh</i>	<i>26.499.000.286</i>	-
<i>Chi cục thuế Triệu Sơn</i>	<i>969.173.580</i>	-
<i>Lò vôi 250m3 Bim Sơn</i>	-	<i>104.851.582</i>
<i>Chi cục thuế Bim Sơn</i>	<i>670.877.022</i>	<i>670.877.022</i>
<i>Tiền sửa chữa nhà máy xi măng Bim Sơn</i>	-	<i>776.516.856</i>
<i>Đường mương thoát nước xi măng Nghi Sơn</i>	-	<i>98.993.004</i>
<i>Trạm phân phối điện 110 KW thủy điện Cửa Đạt</i>	<i>435.743.240</i>	<i>435.743.240</i>
<i>Trụ sở Tổng Công ty tại 34 Láng Hạ</i>	<i>701.770.082</i>	<i>701.770.082</i>
<i>Nhà BHXH tỉnh Hà Nam</i>	-	<i>1.220.792.335</i>
<i>Gia cố đập phụ khu vận hành Đường 252m Cửa Đạt</i>	-	<i>1.087.447.230</i>
<i>Tuyến đường 5* khu Công nghệ cao Hòa Lạc</i>	<i>6.537.013.828</i>	<i>6.537.013.828</i>
<i>Tòa tháp ngôi sao</i>	<i>431.935.548</i>	<i>431.935.548</i>
<i>Khu phụ trợ, kho kín kho hồ Thủy điện Cửa Đạt</i>	<i>199.560.563</i>	<i>199.560.563</i>
Chi phí lãi vay	533.535.346	-
Hàng hóa, dịch vụ mua về chưa có hóa đơn	4.724.507.743	-
	<u>42.380.149.838</u>	<u>12.281.410.381</u>

13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn (i)	21.750.177.700	7.812.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (ii)	2.831.600.000	3.448.920.000
	<u>24.581.777.700</u>	<u>11.260.920.000</u>

(i) Các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn:

- Ngày 28 tháng 5 năm 2007, Công ty ký Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/07/HĐ với hạn mức cho vay là 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay 7 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay áp dụng cho năm 2007 là 1%/tháng (12%/năm). Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 trở đi áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng/lần, vào ngày 01/01 và ngày 01/07 hàng năm trên cơ sở lãi suất huy động bình quân kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) tại thời điểm chỉnh cộng (+) biên độ tối thiểu 3,5%/ năm, biên độ được điều chỉnh theo kết quả phân loại khách hàng tại thời điểm gần nhất và thông báo của ngân hàng về biên độ áp dụng đối với từng nhóm khách hàng tại thời điểm điều chỉnh (nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay cùng loại đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh). Mục đích khoản vay để đầu tư thiết bị thủ công cho các công trình thủy điện và công trình nhà cao tầng, dây chuyền trạm trộn bê tông thương phẩm công suất 60m³/h. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của công trình. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số dư của khoản vay này là 1.452.000.000 đồng.
- Ngày 23 tháng 7 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/10/HĐ, hạn mức cho vay 5.600.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày lập hợp đồng, lãi suất cho vay 14%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân, lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất cho vay cùng loại tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích của khoản vay để đầu tư thiết bị bổ sung dây chuyền trạm trộn và cung ứng bê tông cho xây dựng. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số dư khoản vay này là 5.000.000.000 đồng.

13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Ngày 11 tháng 11 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 02/10/HĐ, hạn mức vay là 17.900.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm, lãi suất cho vay từng lần được áp dụng lãi suất tại thời điểm khách hàng nhận vốn vay và được thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ lần rút vốn vay đầu tiên và bằng lãi suất cho vay cùng loại tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích khoản vay để thanh toán tiền mua máy móc, thiết bị thi công. Khoản vay được đảm bảo từ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số dư khoản vay này là 15.298.177.700 đồng.
- (ii) Các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt:
 - Ngày 25 tháng 12 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 378.09.056.39504.TD, số tiền cam kết cho vay tối đa là 2.362.500.000 đồng, thời hạn 48 tháng, lãi suất cho vay kỳ đầu tiên là 12%/ năm, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 04/01/2010, các kỳ tiếp theo là ngày làm việc đầu tiên mỗi tháng được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 24 tháng của Ngân hàng (loại trả lãi sau) cộng biên độ 4%/ năm. Mục đích của khoản vay là đầu tư mua 01 cầu bánh xích. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số dư khoản vay này là 1.461.600.000 đồng.
 - Ngày 27 tháng 4 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 112.10.056.39504.TD, số tiền cam kết tối đa là 796.000.000 đồng, thời hạn thanh toán 38 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm vay là 16%/năm, lãi suất thả nổi bắt đầu được áp dụng từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên và được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân loại 24 tháng VND (trả lãi sau) của ngân hàng được công bố và áp dụng tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng lãi suất biên là 4,2%/ năm, lãi suất biên có thể được thay đổi theo thỏa thuận của các bên trên cơ sở lãi suất thị trường tại từng thời điểm. Trong mọi trường hợp, lãi suất thả nổi không thấp hơn 15,2%/ năm. Mục đích vay là để đầu tư mua 1 máy đào bánh lốp. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay, giá trị tài sản là 1.138.214.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số dư của khoản vay này là 550.000.000 đồng.
 - Ngày 17 tháng 6 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 180.10.056.39504.TD, số tiền cam kết cho vay tối đa là 1.230.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là 36 tháng kể từ khoản vay đầu tiên, lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm vay là 15%/năm. Lãi suất thả nổi bắt đầu được áp dụng từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên và được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân loại 24 tháng VND (trả lãi sau) của ngân hàng được công bố và áp dụng tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng lãi suất biên là 3,5%/ năm, lãi suất biên có thể được thay đổi theo thỏa thuận của các bên trên cơ sở lãi suất thị trường tại từng thời điểm. Mục đích vay là để đầu tư mua trạm trộn bê tông công suất 60m³/h mới 100%. Khoản vay được bảo đảm bởi tài sản hình thành từ vốn vay, giá trị tài sản là 1.762.200.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số dư của khoản vay này là 820.000.000 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.534.640.000	3.954.640.000
Trong năm thứ hai	6.746.640.000	2.834.640.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	10.300.497.700	4.471.640.000
	<u>24.581.777.700</u>	<u>11.260.920.000</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	7.534.640.000	3.954.640.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>17.047.137.700</u>	<u>7.306.280.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	50.000.000.000	9.828.000.000	-	-	11.359.623.497	1.548.173.059	16.887.428.103	89.623.224.659
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	11.802.167.168	11.802.167.168
Tăng khác	-	-	1.225.495.749	117.425	-	-	-	1.225.613.174
Trích các quỹ	-	-	-	-	6.630.798.977	782.342.827	(9.887.428.103)	(2.474.286.299)
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(672.277.567)	-	-	(672.277.567)
Số dư tại ngày 01/01/2011	50.000.000.000	9.828.000.000	1.225.495.749	117.425	17.318.144.907	2.330.515.886	11.802.167.168	92.504.441.135
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	6.030.230.854	6.030.230.854
Chuyển từ quỹ khác sang	-	-	4.171.597.366	-	(4.171.597.366)	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	586.285	-	-	-	586.285
Trích các quỹ	-	-	-	-	3.088.184.452	474.266.000	(4.742.667.168)	(1.180.216.716)
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(703.710)	(38.800.000)	-	(59.500.000)	(99.003.710)
Số dư tại ngày 30/6/2011	50.000.000.000	9.828.000.000	5.397.093.115	-	16.195.931.993	2.804.781.886	6.030.230.854	90.256.037.848

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần ngày 16 tháng 02 năm 2011 (thay đổi lần 8) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, vốn điều lệ đã được góp đủ, chi tiết như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			Vốn thực góp đến ngày 30/6/2011		
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền VND	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	2.550.000	51,00%	25.500.000.000	2.550.000	51,00%	25.500.000.000
Các cổ đông khác	2.450.000	49,00%	24.500.000.000	2.450.000	49,00%	24.500.000.000
	5.000.000	100,00%	50.000.000.000	5.000.000	100,00%	50.000.000.000

Cổ tức và trích các quỹ

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2010 như sau:

- Cổ tức được chia với tỉ lệ 14% tương ứng với số tiền là 7.000.000.000 VND;
- Quỹ đầu tư phát triển được trích là 3.088.184.452 VND;
- Quỹ dự phòng tài chính được trích là 474.266.000 VND;
- Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi được trích là 1.180.216.716 VND.

Trong kỳ, Công ty đã trích lập các quỹ và chi trả toàn bộ cổ tức theo đúng Nghị quyết nêu trên.

15. DOANH THU

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	376.788.985.536	222.145.038.473
Doanh thu khác	13.324.127.530	4.684.007.034
	390.113.113.066	226.829.045.507

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	353.487.627.573	207.781.974.591
Giá vốn khác	13.144.455.140	3.928.617.273
	366.632.082.713	211.710.591.864

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>	<u>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.149.142.079	5.534.250.420
Hoàn nhập dự phòng	-	(491.223.761)
	<u>10.149.142.079</u>	<u>5.043.026.659</u>

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>	<u>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	8.040.307.806	6.799.941.714
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	30.000.000
Thu nhập chịu thuế	8.040.307.806	6.829.941.714
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.010.076.952	1.707.485.428
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	<u>2.010.076.952</u>	<u>1.707.485.428</u>

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>	<u>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.030.230.854	5.092.456.286
Trừ lợi nhuận phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.030.230.854	5.092.456.286
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.206	1.018

20. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông ngày 25 tháng 3 năm 2011, Công ty đang xây dựng phương án tăng vốn điều lệ năm 2011 từ 50 tỷ VND lên 100 tỷ VND bằng hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1, phát hành cho Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam 2.550.000 cổ phần để đảm bảo tỷ lệ sở hữu 51% tổng vốn điều lệ của Công ty, phát hành cho các cổ đông hiện hữu khác 2.450.000 cổ phần.

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán được phát hành ngày 28 tháng 01 năm 2011 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Công ty được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kết quả công tác soát xét được phát hành ngày 28 tháng 7 năm 2010 với ý kiến không có vấn đề gì trọng yếu cần lưu ý trong báo cáo tài chính.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Khoản mục	Số trước phân loại	Số sau phân loại	Chênh lệch
	lại 31/12/2010	lại 31/12/2010	
	VND	VND	VND
Vay và nợ dài hạn	11.260.920.000	7.306.280.000	3.954.640.000
Vay và nợ ngắn hạn	161.423.424.161	165.378.064.161	(3.954.640.000)

Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2011

Mai Văn Sơn
Kê toán trưởng